

Bản án số: 97/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 22-7-2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Bá Đức
- Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 08/7/2024.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024; Bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, chị và anh Trần Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện MC (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre, vào ngày 12/9/2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc nhưng những

năm gần đây chị phát hiện anh T có người phụ nữ khác nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đã cố gắng vì con nhiều lần tha thứ cho anh T, anh T cũng hứa sửa đổi trước gia đình hai bên nhưng vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi mà lại tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Anh chị chính thức sống ly thân khoảng 01 tháng nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T do không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trần Minh Nh, sinh ngày 01/7/2008, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Triều cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Trần Minh T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất hoàn toàn phần trình bày của chị N về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mất hạnh phúc. Anh thừa nhận có quen người phụ nữ khác như chị N trình bày. Tuy nhiên, do cảm thấy mình sai nên anh và người phụ nữ này đã không còn quen khoảng 02 tháng nay. Anh chị chính thức sống ly thân khoảng 01 tháng nay. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trần Minh N1, sinh ngày 01/7/2008. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

Tại biên bản lấy ý kiến đề ngày 11/6/2024, cháu Trần Minh N1 trình bày như sau:

Hiện cháu đang sống với mẹ. Nếu cha và mẹ ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

Tại Biên bản xác minh đề ngày 11/6/2024 về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Minh T có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Minh T hiện đang sinh sống tại ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Nhi làm nghề buôn bán, anh T làm phục vụ, đãi tiệc tại địa phương. Anh chị có một người con chung hiện đang sống chung với chị N và anh T ở ấp T, xã H. Trong thời gian sinh sống tại địa phương, chị N

và anh T không có yêu cầu ban hòa giải áp giải quyết các vấn đề phát sinh trong cuộc hôn nhân nên áp không rõ nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn giữa chị N và anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến N. Về nuôi con chung: Chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trần Minh N1, sinh ngày 01/7/2008 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 08/7/2024 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N là phù hợp. Đối với bị đơn anh Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Minh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh T ngoại tình, không chung thủy với chị N dẫn đến anh chị sống ly thân. Chị N cho rằng chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T lại cho rằng anh đã không còn quen người phụ nữ này khoảng hai tháng nay và không đồng ý ly hôn với chị N. Xét thấy, chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng trong cuộc sống hôn nhân

anh T lại sống không chung thủy với chị N là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Việc làm này của anh T đã khiến chị N mất lòng tin và anh chị xảy ra mâu thuẫn với nhau nên việc chị N yêu cầu ly hôn với anh T là hoàn toàn chính đáng và có cơ sở. Anh T không đồng ý ly hôn với chị N nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn. Mặt khác, khi có mâu thuẫn xảy ra anh chị lại không tìm giải pháp để giải quyết mà sống bỏ mặc, không quan tâm nhau, cụ thể là sống ly thân cách nay khoảng 01 tháng. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trần Minh N1, sinh ngày 01/7/2008, hiện đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, chị N và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Xét thấy, chị N đang trực tiếp nuôi cháu N1 từ lúc anh chị ly thân cho đến nay và vẫn đảm bảo đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu N1. Mặt khác, tại biên bản lấy ý kiến đề ngày 11/6/2024, cháu N1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Vì vậy, nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý của cháu N1 nên giao cháu N1 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu N1.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng, việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện nên ghi nhận.

[4] *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống, anh chị thống nhất không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*:

Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến N.

Chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với anh Trần Minh T.

2. *Về nuôi con chung*: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Yến N được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Trần Minh N1, sinh ngày 01/7/2008 và anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005441 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam nên chị N không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Hương Mỹ (128, 12/9/2008) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Hương Mỹ (128, 12/9/2008) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang

